

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận năm 2023 (đợt 2)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận về thành lập Hội đồng và Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận năm 2023 (đợt 2);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 394/TTr-NV ngày 07 tháng 8 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả xét tuyển của 70 thí sinh dự kỳ tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận năm 2023 (đợt 2), trong đó có 52 thí sinh trúng tuyển và 18 thí sinh không trúng tuyển (danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thông báo kết quả đến thí sinh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển có tên trong danh sách nêu trên theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *hanh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT/QU (BT và PBT/TT);
- UBND quận (Chủ tịch và các PCT);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Đông Tùng*  
**Nguyễn Đông Tùng**



**KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÔNG TÁC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP  
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN NĂM 2023 (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Quyết định số **731** /QĐ-UBND ngày **09** tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận)

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh |            | Trình độ | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm sát hạch | Tổng cộng   | Kết quả     |
|-----|-----------------------|-----------|------------|----------|----------------------------------------|---------------------------|------------|---------|--------------|---------------|-------------|-------------|
|     |                       | Nam       | Nữ         |          | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |         |              |               |             |             |
| 1   | Phan Mỹ Trinh         |           | 30/10/1982 | Đại học  | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 91            | <b>91</b>   | Trúng tuyển |
| 2   | Nguyễn Thị Ngọc Nhung |           | 18/12/1999 | Đại học  | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 87            | <b>87</b>   | Trúng tuyển |
| 3   | Nguyễn Thị Ngọc Xuân  |           | 20/11/2000 | Cao đẳng | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 87            | <b>87</b>   | Trúng tuyển |
| 4   | Lê Thị Thanh Trang    |           | 28/05/1990 | Đại học  | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 86.5          | <b>86.5</b> | Trúng tuyển |
| 5   | Hoàng Thị Huyền       |           | 25/09/1999 | Cao đẳng | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 85.5          | <b>85.5</b> | Trúng tuyển |
| 6   | Nguyễn Thị Như Nguyễn |           | 22/05/1982 | Cao đẳng | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 82            | <b>82</b>   | Trúng tuyển |
| 7   | Đào Thị Như Ý         |           | 06/08/2002 | Cao đẳng | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 80            | <b>80</b>   | Trúng tuyển |
| 8   | Nguyễn Thị Hồng Hoà   |           | 22/06/1981 | Đại học  | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 73            | <b>73</b>   | Trúng tuyển |
| 9   | Lê Ngọc Trang         |           | 09/11/2002 | Cao đẳng | Giáo dục mầm non                       | GVMN hạng III             | V.07.02.26 |         |              | 72            | <b>72</b>   | Trúng tuyển |
| 10  | Chung Thị Kha Linh    |           | 05/01/2001 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 75.5          | <b>75.5</b> | Trúng tuyển |
| 11  | Lê Minh Trang         |           | 16/09/1994 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 73            | <b>73</b>   | Trúng tuyển |

| STT | Họ và tên               | Ngày sinh  |            | Trình độ | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm sát hạch | Tổng cộng | Kết quả     |
|-----|-------------------------|------------|------------|----------|----------------------------------------|---------------------------|------------|---------|--------------|---------------|-----------|-------------|
|     |                         | Nam        | Nữ         |          | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |         |              |               |           |             |
| 12  | Triệu Thị Tuyết Trinh   |            | 13/06/1988 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 | DTTS    | 5            | 68            | 73        | Trúng tuyển |
| 13  | Phạm Thị Tường Vy       |            | 27/03/2001 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 72.5          | 72.5      | Trúng tuyển |
| 14  | Lưu Thị Hằng            |            | 12/04/1988 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 71.5          | 71.5      | Trúng tuyển |
| 15  | Nguyễn Dương Ngọc Khánh |            | 02/02/1996 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 71.5          | 71.5      | Trúng tuyển |
| 16  | Lê Thị Hoa              |            | 20/10/1997 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 70            | 70        | Trúng tuyển |
| 17  | Lê Trịnh Thu Thủy       |            | 29/07/1991 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 70            | 70        | Trúng tuyển |
| 18  | Võ Thị Phương Uyên      |            | 15/09/2001 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 70            | 70        | Trúng tuyển |
| 19  | Nguyễn Võ Phi Công      |            | 15/05/2000 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 68            | 68        | Trúng tuyển |
| 20  | Trần Như Thảo           |            | 29/08/2001 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 68            | 68        | Trúng tuyển |
| 21  | Phùng Thị Ngọc Dung     |            | 20/03/1992 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 67.5          | 67.5      | Trúng tuyển |
| 22  | Phạm Thái Thanh         |            | 13/11/2001 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 67            | 67        | Trúng tuyển |
| 23  | Phạm Thị Vân Anh        |            | 19/12/2001 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 66            | 66        | Trúng tuyển |
| 24  | Lâm Gia Kiện            | 01/07/1999 |            | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 | DTTS    | 5            | 60            | 65        | Trúng tuyển |
| 25  | Trần Minh Châu          |            | 20/01/2000 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 62            | 62        | Trúng tuyển |
| 26  | Thái Nguyễn Thùy Trang  |            | 03/11/2001 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 61            | 61        | Trúng tuyển |
| 27  | Phạm Trần Linh Tâm      |            | 06/02/1990 | Đại học  | Tiểu học nhiều môn                     | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 56.5          | 56.5      | Trúng tuyển |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  |            | Trình độ | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm sát hạch | Tổng cộng   | Kết quả           |
|-----|----------------------|------------|------------|----------|----------------------------------------|---------------------------|------------|---------|--------------|---------------|-------------|-------------------|
|     |                      | Nam        | Nữ         |          | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |         |              |               |             |                   |
| 28  | Võ Thị Thanh Tình    |            | 10/06/1990 | Đại học  | Anh văn                                | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 74            | <b>74</b>   | Trúng tuyển       |
| 29  | Phạm Kim Phụng       |            | 03/07/1988 | Đại học  | Anh văn                                | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 64.5          | <b>64.5</b> | Trúng tuyển       |
| 30  | Đặng Thị Thuý        |            | 26/03/1991 | Đại học  | Anh văn                                | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 62.5          | <b>62.5</b> | Trúng tuyển       |
| 31  | Trần Thị Thùy Trang  |            | 26/09/1995 | Đại học  | Anh văn                                | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 52            | <b>52</b>   | Trúng tuyển       |
| 32  | Phạm Thị Phương Anh  |            | 25/02/1999 | Đại học  | Anh văn                                | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 43            | <b>43</b>   | Không trúng tuyển |
| 33  | Trương Thị Kim Duyên |            | 16/03/1997 | Đại học  | Thể dục                                | GVTH hạng III             | V.07.03.29 |         |              | 54            | <b>54</b>   | Trúng tuyển       |
| 34  | Hoàng Văn Hiến       | 21/09/1988 |            | Đại học  | Thể dục                                | GVTH hạng III             | V.07.03.29 | DTTS    | 5            | 27            | <b>32</b>   | Không trúng tuyển |
| 35  | Lưu Quang Lê Vũ      | 24/09/1990 |            | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 76.5          | <b>76.5</b> | Trúng tuyển       |
| 36  | Lê Thị Mỹ Lan        |            | 05/06/2000 | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 75.5          | <b>75.5</b> | Trúng tuyển       |
| 37  | Nguyễn Đào Thục Đoan |            | 02/01/2001 | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 59.5          | <b>59.5</b> | Trúng tuyển       |
| 38  | Huỳnh Thị Diệu Hương |            | 12/04/1992 | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 56            | <b>56</b>   | Không trúng tuyển |
| 39  | Hoàng Kiều Chi       |            | 25/5/1994  | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 56            | <b>56</b>   | Không trúng tuyển |
| 40  | Hoàng Ngọc An        | 02/03/2000 |            | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 51            | <b>51</b>   | Không trúng tuyển |
| 41  | Nguyễn Tiến Đạt      | 24/02/2000 |            | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 49            | <b>49</b>   | Không trúng tuyển |
| 42  | Trần Thị Thúy Uyên   |            | 19/05/1995 | Đại học  | Anh Văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 41            | <b>41</b>   | Không trúng tuyển |
| 43  | Nguyễn Văn Hạnh      | 16/06/1994 |            | Đại học  | Ngữ văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 62            | <b>62</b>   | Trúng tuyển       |

| STT | Họ và tên              | Ngày sinh  |            | Trình độ  | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm sát hạch | Tổng cộng   | Kết quả           |
|-----|------------------------|------------|------------|-----------|----------------------------------------|---------------------------|------------|---------|--------------|---------------|-------------|-------------------|
|     |                        | Nam        | Nữ         |           | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |         |              |               |             |                   |
| 44  | Trần Thị Lam           |            | 07/09/1999 | Đại học   | Ngữ văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 54            | <b>54</b>   | Trúng tuyển       |
| 45  | Trần Như Hoàng Anh     |            | 20/08/1999 | Đại học   | Ngữ văn                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 50.5          | <b>50.5</b> | Không trúng tuyển |
| 46  | Tạ Hoàng Anh Khoa      | 16/10/1996 |            | Thạc sĩ   | Khoa học tự nhiên                      | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 73            | <b>73</b>   | Trúng tuyển       |
| 47  | Trần Thị Phượng        |            | 26/12/1987 | Đại học   | Khoa học tự nhiên                      | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 65            | <b>65</b>   | Trúng tuyển       |
| 48  | Nguyễn Thị Quỳnh Duyên |            | 09/03/2001 | Đại học   | Khoa học tự nhiên                      | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 61            | <b>61</b>   | Trúng tuyển       |
| 49  | Trần Thị Huyền         |            | 01/02/1982 | Đại học   | Khoa học tự nhiên                      | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 57            | <b>57</b>   | Trúng tuyển       |
| 50  | Trần Thị Thùy Dung     |            | 16/12/2001 | Đại học   | Khoa học tự nhiên                      | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 56            | <b>56</b>   | Không trúng tuyển |
| 51  | Nguyễn Thái Toàn       | 03/08/1999 |            | Đại học   | Khoa học tự nhiên                      | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 53            | <b>53</b>   | Không trúng tuyển |
| 52  | Vũ Thị Nhi Nữ          |            | 14/01/1995 | Đại học   | Khoa học tự nhiên                      | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 34            | <b>34</b>   | Không trúng tuyển |
| 53  | Nguyễn Văn Vũ          | 20/02/1991 |            | Đại học   | Lịch Sử - Địa lý                       | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 | HTNV QS | 2.5          | 69.5          | <b>72</b>   | Trúng tuyển       |
| 54  | Đinh Thanh Trí         | 22/11/1988 |            | Đại học   | Âm nhạc                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 29            | <b>29</b>   | Không trúng tuyển |
| 55  | Lê Khuru Thư Anh       |            | 20/03/1986 | Đại học   | Mỹ thuật                               | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 61            | <b>61</b>   | Trúng tuyển       |
| 56  | Tào Thanh Tấn          | 22/09/1995 |            | Đại học   | Thể dục                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 54            | <b>54</b>   | Trúng tuyển       |
| 57  | Nguyễn Thị Anh Thư     |            | 30/03/2001 | Đại học   | Tin học                                | GV THCS hạng III          | V.07.04.32 |         |              | 68            | <b>68</b>   | Trúng tuyển       |
| 58  | Trần Thị Hiền          |            | 16/08/1994 | Cao đẳng  | Nhân viên Y tế                         | Điều dưỡng hạng IV        | V.08.05.13 |         |              | 71            | <b>71</b>   | Trúng tuyển       |
| 59  | Lê Ngọc Hoàng Diễm     |            | 21/08/1992 | Trung cấp | Nhân viên Y tế                         | Y sĩ hạng IV              | V.08.03.07 |         |              | 68            | <b>68</b>   | Trúng tuyển       |

| STT | Họ và tên             | Ngày sinh  |            | Trình độ  | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm sát hạch | Tổng cộng | Kết quả           |
|-----|-----------------------|------------|------------|-----------|----------------------------------------|---------------------------|------------|---------|--------------|---------------|-----------|-------------------|
|     |                       | Nam        | Nữ         |           | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |         |              |               |           |                   |
| 60  | Nguyễn Thị Hà         |            | 27/07/1982 | Trung cấp | Nhân viên Y tế                         | Y sĩ hạng IV              | V.08.03.07 |         |              | 58            | <b>58</b> | Trúng tuyển       |
| 61  | Đỗ Thị Minh Thư       |            | 12/02/1999 | Đại học   | Nhân viên Y tế                         | Điều dưỡng hạng III       | V.08.05.12 |         |              | 49            | <b>49</b> | Không trúng tuyển |
| 62  | Lê Thị Hoa            |            | 01/04/1990 | Đại học   | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên              | 06.031     |         |              | 62            | <b>62</b> | Trúng tuyển       |
| 63  | Lê Thị Ngọc Tâm       |            | 04/08/1987 | Đại học   | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên              | 06.031     |         |              | 60            | <b>60</b> | Trúng tuyển       |
| 64  | Nguyễn Thị Lan Phương |            | 06/05/1975 | Đại học   | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên              | 06.031     |         |              | 45            | <b>45</b> | Không trúng tuyển |
| 65  | Lăng Bảo Trân         |            | 31/03/1988 | Đại học   | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên              | 06.031     |         |              | 45            | <b>45</b> | Không trúng tuyển |
| 66  | Lê Thị Thu Hà         |            | 05/11/1985 | Đại học   | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên              | 06.031     |         |              | 35            | <b>35</b> | Không trúng tuyển |
| 67  | Trương Thị Ánh Hằng   |            | 10/07/1993 | Cao đẳng  | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên trung cấp    | 06.032     |         |              | 34            | <b>34</b> | Không trúng tuyển |
| 68  | Đinh Thị Hiền Lương   |            | 26/11/1981 | Cao đẳng  | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên trung cấp    | 06.032     |         |              | 28            | <b>28</b> | Không trúng tuyển |
| 69  | Nguyễn Hữu Bảo An     | 02/07/1999 |            | Đại học   | Nhân viên Thư viện                     | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 |         |              | 63            | <b>63</b> | Trúng tuyển       |
| 70  | Võ Ngọc Thanh Trúc    |            | 01/01/1993 | Đại học   | Nhân viên Thư viện                     | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 |         |              | 59            | <b>59</b> | Trúng tuyển       |

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

